

PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG SỐ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

TÓM TẮT:

Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng được xác định là một trong những định hướng ưu tiên trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển ngân hàng số trở thành mục tiêu chủ yếu của nhiều ngân hàng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện. Trong phạm vi bài viết, từ việc phân tích thực trạng, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển ngân hàng số ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số, như: tiếp tục thực hiện đa dạng các hình thức, biện pháp truyền thông nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về phát triển ngân hàng số, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển ngân hàng số, đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng số cho phát triển ngân hàng số,...

Từ khóa: chuyển đổi số, ngân hàng số, tài chính, tài chính - ngân hàng.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang là xu thế của thế giới và là mối quan tâm hàng đầu ở Việt Nam hiện nay. Việt Nam là một trong những quốc gia ban hành chương trình Chuyển đổi số quốc gia từ sớm, cùng với nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Trong quá trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số trong ngành tài chính ngân hàng nói chung, các ngân hàng thương mại nói riêng hướng tới cung cấp dịch vụ ngân hàng số, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (Fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài

chính ngân hàng. Thực tiễn những năm qua, hoạt động phát triển ngân hàng số ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả to lớn, song vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhận diện đúng thực trạng để có giải pháp thúc đẩy phát triển ngân hàng số ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện đất nước là vấn đề cấp thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Ngân hàng số

Hiện nay, có nhiều cách tiếp cận khác nhau về ngân hàng số. Theo S. Chris (2014), ngân hàng số (Digital Banking) là mô hình hoạt động ngân hàng chủ yếu dựa vào nền tảng dữ liệu điện tử và công nghệ số (10). Ở một cách tiếp cận khác, G. Sharma (2017) xác định ngân hàng số là ngân hàng ứng dụng nền tảng công nghệ mới nhất ở mọi cấp độ hoạt động và tất cả các chức năng và dịch vụ mà ngân hàng cung ứng đều được số hóa trên nền tảng

công nghệ hiện đại (9). McKinsey (2021) cho rằng, ngân hàng số có các đặc điểm: Giao diện người dùng và hoạt động trên nền tảng kỹ thuật số; Hoạt động hỗ trợ kinh doanh cốt lõi dựa trên kỹ thuật số, có các dịch vụ lõi nhỏ có thể định hình lại với các API cho phép cung cấp và đổi mới nhanh chóng; Thiết lập và điều hành như một công ty công nghệ; Mô hình hoạt động theo chiều ngang, giảm thiểu phân cấp, trao quyền cho nhân viên ở cấp độ cao, văn hóa kiểm tra và học hỏi cho phép phát triển các hệ thống, sản phẩm và kênh phân phối liên tục (3). Ở Việt Nam, theo các tác giả Phan Thị Cúc, Vũ Cẩm Nhung, Phan Minh Xuân (2022), ngân hàng số tích hợp số hóa đối với toàn bộ quy trình và mọi hoạt động của ngân hàng, so với ngân hàng điện tử (Ebanking) và ngân hàng trực tuyến (Online Banking) thì ngân hàng số có phạm vi rộng và toàn diện hơn (1).

Thông thường Cấu trúc ngân hàng số sẽ bao gồm các phần chính: Kênh kết nối với khách hàng, bao gồm: Chi nhánh và các quầy giao dịch truyền thống; kênh internet (Internet/mobile Banking, website, mạng xã hội), tổng đài chăm sóc khách hàng. Tự động hóa (các quy trình), có nhiều loại quy trình như: hệ thống quan hệ khách hàng (CRM), hệ thống quản lý nội dung doanh nghiệp (ECM), hệ thống quản lý quy trình kinh doanh (BPM), quản lý khoản vay (LOS)... Quyết định (dựa trên phân tích dữ liệu), các ngân hàng xây dựng các Kho dữ liệu (dataware house) và công cụ phân tích BI (Business intelligent) hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn, qua đó kết nối các thông tin cấu trúc và phi cấu trúc của khách hàng. Đổi mới sản phẩm và kinh doanh, Ngân hàng có khả năng đổi mới sáng tạo về sản phẩm và kinh doanh dựa trên công nghệ cao. Các thách thức đến từ các công ty Fintech, các trung gian thanh toán, hay các nhà mạng khi cung cấp một số dịch vụ ngân hàng đòi hỏi các ngân hàng thương mại phải đổi mới sáng tạo không ngừng.

Ngân hàng số có các nhóm dịch vụ chủ yếu là: Các dịch vụ trong nội bộ: Các dịch vụ này phục vụ hoạt động nội bộ của từng hệ thống ngân hàng, như khả năng kết nối, tích hợp các kênh phục vụ khách hàng của ngân hàng; tự động hóa các quy trình cung

cấp sản phẩm dịch vụ, tác nghiệp; phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ ra quyết định kinh doanh. Các dịch vụ cung cấp tới khách hàng: Việc tạo ra hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng đa dạng là bài toán muôn thuở đối với các ngân hàng thương mại. Hệ sinh thái này phủ đầy các hoạt động của ngân hàng thương mại. Số lượng dịch vụ ngân hàng số của các ngân hàng thương mại phụ thuộc vào các quy định pháp lý, hạ tầng thanh toán của các quốc gia; nền tảng công nghệ thông tin; mức độ sáng tạo của các ngân hàng thương mại trước nhu cầu khách hàng; nguồn lực của các ngân hàng thương mại; và sự phát triển của các đối tác trung gian thanh toán (như fintech...).

Việc phát triển ngân hàng số sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho khách hàng và ngân hàng. Đối với khách hàng, ngân hàng số giúp họ tiết kiệm chi phí, sử dụng an toàn, tối đa các tiện ích của ngân hàng, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính và có thể phát triển kinh doanh trực tuyến. Đối với ngân hàng, việc sử dụng ngân hàng số sẽ giúp các ngân hàng giảm bớt mật thiết với khách hàng, tiết kiệm chi phí, tăng cường tính kỷ luật và minh bạch trong hoạt động, từ đó tăng khả năng cạnh tranh trong hoạt động của ngân hàng. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trước những diễn biến phức tạp của thiên tai, đại dịch thì việc phát triển ngân hàng số là một nhu cầu tất yếu và cần thiết (2).

2.2. Thực trạng phát triển ngân hàng số ở Việt Nam

Từ năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, mở đường cho quá trình số hóa, chuyển đổi số và phát triển ngân hàng số tại Việt Nam. Ngày 11/5/2021, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-NHNN về “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm tạo điều kiện, thúc đẩy các ngân hàng triển khai công cuộc chuyển đổi số, từ đó tạo ra hệ sinh thái ngân hàng số tại Việt Nam. Từ năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động chuyển đổi số của ngành ngân hàng như:

hướng dẫn mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử eKYC (2020); hướng dẫn mở, phát hành thẻ ngân hàng bằng hình thức điện tử (2021); hướng dẫn sử dụng bảo lãnh ngân hàng bằng phương thức điện tử (2022)... Ngày 28/6/2023, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 06/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng Thông tư số 06/2023/TT-NHNN có nội dung quy định về cho vay bằng phương tiện điện tử, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, là cơ sở để các ngân hàng triển khai đại trà, áp dụng rộng rãi phương tiện điện tử vào quy trình cho vay; thúc đẩy quá trình phát triển ngân hàng số.

Về cơ sở hạ tầng cho ngân hàng số, Ngân hàng Nhà nước đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, làm sạch 25 triệu khách hàng thông tin tín dụng, phục vụ cho nhiều hoạt động nghiệp vụ. Các ngân hàng đã quan tâm và tích cực đầu tư phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số và ngân hàng số như: hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng hoạt động liên tục, thông suốt và an toàn; hệ thống chuyển mạch, bù trừ điện tử bán lẻ hoạt động liên tục 24/7 an toàn, thông suốt. Hệ thống trung tâm thông tin tín dụng được đầu tư, nâng cấp để tăng mức độ xử lý, khả năng tự động cập nhật, đồng thời tăng khả năng thu thập và xử lý dữ liệu trong và ngoài Ngành, nâng mức độ phủ sóng lên 72,75% độ tuổi người trưởng thành với 53 triệu tài khoản và mức độ cập nhật trên 87% (6).

Về ứng dụng công nghệ số, các tổ chức tín dụng đã không ngừng nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi các công nghệ số tiên tiến như: dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo/học máy... nhằm tối ưu hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ, cung ứng sản phẩm - dịch vụ mang tính cá nhân hóa cao, phù hợp với nhu cầu khách hàng. Hệ thống LiveBank của TPBank là một ví dụ. Triển khai từ năm 2020, hệ thống này có thể giúp khách hàng đăng ký vân tay và khuôn mặt trong 1 phút, dùng vân tay và khuôn mặt để giao dịch, tự động so sánh khuôn mặt tại căn cước công dân với camera... Sau khi định danh điện tử (eKYC) được cho phép thí điểm, khách hàng có thể hoàn thành eKYC và có tài khoản trong 5 giây.

Nhiều tổ chức tín dụng đã triển khai các giải pháp chophép khách hàng mở tài khoản thanh toán dựa trên xác thực dữ liệu dân cư; chophép định danh, xác minh thông tin khách hàng bằng thẻ căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VNeID; làm sạch thông tin khách hàng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tối ưu quá trình cho vay bằng các giải pháp chấm điểm tín dụng, xác thực thông tin đa chiều bằng dữ liệu dân cư... Nhiều ngân hàng có hơn 90% giao dịch khách hàng thực hiện trên kênh số; nhiều tổ chức tín dụng có hiệu quả hoạt động tốt nhờ tích cực chuyển đổi số, giảm tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống ngưỡng 30%, tiệm cận tỷ lệ mà nhiều ngân hàng khu vực, quốc tế đang chuyển đổi số nỗ lực hướng tới; khoảng 74,63% người trưởng thành đã có tài khoản ngân hàng. Từ năm 2020 đến hết năm 2023 đã có 3,71 triệu tài khoản Mobile-Money đã được mở, trong đó hơn 70% được mở tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa... Bên cạnh đó, một số chỉ số đã đạt và vượt so với mục tiêu đề ra tại Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng như tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tỷ lệ dịch vụ công của ngân hàng nhà nước đủ điều kiện được nâng cấp lên mức độ 4... (7).

Hoạt động chuyển đổi ngân hàng lõi đã bước đầu được thực hiện, tuy nhiên tốc độ còn chậm, hiệu quả tương xứng do thiếu vốn và nguồn lực cần thiết. Nguyên nhân do trong những năm qua các ngân hàng thương mại phải ưu tiên nguồn lực cho xử lý các vấn đề về nợ xấu, đảm bảo thanh khoản... Hệ thống ngân hàng lõi (Core banking) tương đối lạc hậu không đủ điều kiện để tích hợp ứng dụng số hóa dựa trên Dữ liệu lớn, hoặc có chuyển đổi nhưng không mua hết các tính năng, về tích hợp dữ liệu, đa phần các ngân hàng chưa triển khai điện toán đám mây do đặc trưng dữ liệu nhạy cảm, hệ thống dữ liệu phức tạp và chưa đồng bộ.

Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam chưa có một ngân hàng số theo đúng nghĩa. Quá trình xây dựng, phát triển ngân hàng số ở Việt Nam đang gặp phải một số khó khăn và thách thức về cả nhân lực, tài lực và hành lang pháp lý.

Hành lang pháp lý cho phát triển ngân hàng số ở Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, còn

nhiều bất cập. Nhiều khoảng trống trong hành lang pháp lý chưa được bổ sung kịp thời như: các quy định về bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống rửa tiền; về quản lý thông tin giao dịch tài khoản, chứng thực chữ ký số, xác định danh tính khách hàng... “Hành lang pháp lý chưa theo kịp sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Nhiều sản phẩm dịch vụ áp dụng hình thức công nghệ tiên tiến hiện đại nhưng chưa có đủ văn bản quy phạm pháp luật hay hành lang pháp lý chưa theo kịp, dẫn đến việc vận dụng cũng như ứng xử gặp nhiều khó khăn” (4).

Khó khăn về nguồn nhân lực để triển khai ngân hàng số. Tình trạng chung của các ngân hàng Việt Nam hiện nay là vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực trong phát triển ngân hàng số. Trong quá trình chuyển đổi số, nhu cầu nhân sự vừa am hiểu về tài chính ngân hàng, vừa am hiểu về công nghệ là một trong những thách thức lớn. Đặc biệt, nhân sự chất lượng cao trong lĩnh vực ngân hàng số còn khan hiếm, các ngân hàng phải cạnh tranh khá gay gắt về đãi ngộ để thu hút người tài trong lĩnh vực này. Trên thực tế từ đầu năm 2023 đến nay, các ngân hàng lớn nhỏ như: Vietcombank, VietinBank, VietCapitalBank, HDBank, OCB... đều liên tục đăng tuyển nhân lực số và đưa ra nhiều chính sách đãi ngộ tốt để cạnh tranh (7).

Chi phí đầu tư cho công nghệ, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngân hàng số chưa đáp ứng tốt theo yêu cầu. Công nghệ ứng dụng trong ngân hàng số thường có tốc độ phát triển nhanh và dễ dàng thay thế bằng các công nghệ mới. Chi phí đầu tư công nghệ lớn đến từ việc các ngân hàng thường xuyên cải tiến, bảo trì và nâng cấp hệ thống để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây là thách thức lớn đối với các ngân hàng trong quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là những ngân hàng vừa và nhỏ khi việc đầu tư công nghệ đòi hỏi rất nhiều chi phí nhưng công nghệ đó lại nhanh chóng lỗi thời và phải cập nhật mới. Cùng với đó, rủi ro công nghệ thông tin gia tăng cũng là thách thức của phát triển ngân hàng số. Theo Báo cáo tình hình an ninh mạng quý II/2022 của Công ty An ninh mạng Viettel (Viettel Cyber Security - VCS), 68% tổng số các cuộc tấn công mạng có liên quan đến các tổ chức

tài chính ngân hàng. Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) cũng ghi nhận hơn 1.000 lượt phản ánh về các vụ lừa đảo liên quan đến ngân hàng trên không gian mạng trong nửa năm. Rủi ro về bảo mật gia tăng làm ảnh hưởng đến lòng tin của khách hàng và được xem là một trong những nhân tố chính cản trở sự phát triển các phương tiện giao dịch điện tử tại Việt Nam (8).

2.3. Một số giải pháp cần thực hiện

Một là, tiếp tục thực hiện đa dạng các hình thức, biện pháp truyền thông nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về phát triển ngân hàng số. Để phát triển ngân hàng số, vấn đề quan trọng là phải có sự đồng tình, hưởng ứng từ phía xã hội - những khách hàng trực tiếp hưởng thụ dịch vụ ngân hàng số. Do đó, bên cạnh những nỗ lực thay đổi nhận thức từ phía cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, nhân viên các ngân hàng, cần chú trọng nâng cao nhận thức cho người dùng dịch vụ ngân hàng. Cơ quan quản lý nhà nước, các ngân hàng cần triển khai thường xuyên, đồng bộ các biện pháp truyền thông, nâng cao nhận thức về sự cần thiết, những tiện ích mà ngân hàng số mang lại cho mỗi cá nhân, tổ chức và toàn xã hội. Từ đó, dần thay đổi theo quen sử dụng dịch vụ cho khách hàng, tạo hiệu ứng xã hội tích cực thúc đẩy phát triển ngân hàng số.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển ngân hàng số. Cơ quan quản lý nhà nước, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các vấn đề cần được Luật hóa để phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển các mô hình ngân hàng số. Chú trọng đến một số vấn đề như: Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý giám sát hoạt động thanh toán, thanh toán trong nước và xuyên biên giới; Quy định về hoạt động cho vay bằng phương thức điện tử; Quy định khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc ứng dụng các công nghệ số (như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, chuỗi khối, trí tuệ nhân tạo, học máy,...) trong hoạt động ngân hàng; Quy định về giao dịch điện tử trong ngành ngân hàng; Quy định về an ninh, an toàn bảo mật và cung ứng dịch vụ ngân hàng trên môi trường Internet trong ngành Ngân hàng. Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn dữ liệu, tiêu chuẩn

kỹ thuật ngành Ngân hàng nhằm phục vụ việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong ngành Ngân hàng và giữa ngành Ngân hàng với các ngành, lĩnh vực khác.

Ba là, đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng số cho phát triển ngân hàng số. Chú trọng hiện đại hóa hạ tầng thanh toán, nâng cao khả năng kết nối, liên thông. Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS). Mở rộng và phát triển Hệ thống chuyển mạch và bù trừ điện tử cho các giao dịch thanh toán bán lẻ hướng tới thiết lập hạ tầng thanh toán thống nhất, đồng bộ. Nghiên cứu và triển khai hạ tầng tập trung để cho phép kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực để khai thác, tổng hợp dữ liệu phục vụ xác minh thông tin, phân loại, đánh giá khách hàng.

Bốn là, có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngân hàng số. Những bất cập về nguồn nhân lực cho ngân hàng số cần được giải quyết theo một chiến lược dài hạn, cụ thể, không chỉ bó hẹp trong phạm vi của ngành ngân hàng. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển giáo dục - đào tạo của quốc gia cần chung sức hướng vào thực hiện mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực số chất lượng cao cho các ngành, nghề, trong đó có ngành ngân hàng. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngân hàng phải thường xuyên bổ sung, cập nhật chương trình, phương pháp đào tạo tiên tiến, ứng dụng công nghệ số. Nghiên cứu xây dựng chương trình riêng để đào

tạo nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho ngành ngân hàng. Các ngân hàng chủ động tổ chức việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tiễn. Chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển ngân hàng số.

Năm là, bảo đảm nguồn vốn đầu tư cho xây dựng ngân hàng số. Việc bảo đảm vốn đầu tư cho phát triển ngân hàng số cần được tính toán một cách tổng thể, nằm trong chiến lược chuyển đổi số toàn ngành ngân hàng. Bên cạnh sự đầu tư của nhà nước, các ngân hàng cần tính toán và có phương án huy động vốn đầu tư cho phát triển ngân hàng số một cách phù hợp. Chú trọng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, sự hỗ trợ của các định chế tài chính lớn trong khu vực và trên thế giới.

3. Kết luận

Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam hiện nay là xu thế không thể đảo ngược. Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang bước những bước đầu tiên trong phát triển ngân hàng số. Những kết quả đáng ghi nhận bước đầu là tiền đề quan trọng, giúp mỗi ngân hàng và toàn ngành vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục phát triển ngân hàng số nhanh, bền vững trong thời gian tới. Cơ quan quản lý nhà nước, ngành ngân hàng và toàn xã hội cần phối hợp thực hiện các giải pháp ứng dụng và khai thác hiệu quả các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 để phát triển ngân hàng số ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phan Thị Cúc, Vũ Cẩm Nhung, Phan Minh Xuân (2022). Phát triển ngân hàng số tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp. Tạp chí khoa học và công nghệ - Trường Đại học Bình Dương, Quyển 5, số 4/2022.
2. Nguyễn Thị Tuyết Nga (2022). Thực trạng và giải pháp phát triển ngân hàng số tại Việt Nam. Tạp chí Tạp chí Tài chính, số tháng 6/2022.
3. Nguyễn Minh (2023). Ngân hàng "khát" nhân lực chuyển đổi số. Truy cập tại: <https://thoibaonganhang.vn/ngan-hang-khat-nhan-luc-chuyen-doi-so-143462.html>.
4. Cấn Văn Lực (2023). Chuyển đổi số ngành ngân hàng Việt Nam: Cơ hội, thực trạng và giải pháp. Truy cập tại: <https://thitruongtaichinhthiente.vn/chuyen-doi-so-nganh-ngan-hang-viet-nam-co-hoi-thuc-trang-va-giai-phap-52299.html>.
5. Kỳ Phong (2023). Các ngân hàng thương mại đã đầu tư khoảng 15.000 tỷ đồng chuyển đổi số. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/cac-ngan-hang-thuong-mai-da-dau-tu-khoang-15-000-ty-dong-chuyen-doi-so.htm>.

6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (2021). Quyết định số 810/QĐ-NHNN, ngày 11/5/2021, về “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
7. Thời báo Ngân hàng (2023). Tổng thuật: Chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2023: “Ứng dụng dữ liệu dân cư trong hoạt động ngân hàng - động lực thúc đẩy chuyển đổi số”. Truy cập tại: <https://thoibaonganhang.vn/tong-thuat-chuyen-doi-so-nganh-ngan-hang-nam-2023-ung-dung-du-lieu-dan-cu-trong-hoat-dong-ngan-hang-dong-lu-c-thuc-day-chuyen-doi-so-139348.html>
8. McKinsey (2021). Lessons from the rapidly evolving regulation of digital banking. Available at: www.mckinsey.com/industries/financial-services/our-insights/lessons-from-the-rapidly-evolving-regulation-of-digital-banking.
9. G. Sharma (2017). What is Digital Banking?. VentureSkies, 2017.
10. S. Chris (2014). Digital banks: Strategies to launch or become a digital bank. Marshall Cavendish International (Asia), 2014.

Ngày nhận bài: 25/12/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/1/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/1/2024

Thông tin tác giả:

NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

THE DEVELOPMENT OF DIGITAL BANKING IN THE CONTEXT OF VIETNAM’S CURRENT DIGITAL TRANSFORMATION PROCESS

● **NGUYEN THI HONG MINH**

ABSTRACT:

Digital transformation in the financial and banking sector is identified as one of the priority directions in Vietnam’s National Digital Transformation Program to 2025, with a vision to 2030. Digital banking development becomes a key goal of many commercial banks in the context of the country’s comprehensive digital transformation process. By analyzing the current situation, this study proposed some solutions for the digital banking development in Vietnam, such as: continuing to implement a variety of communication activities to raise awareness for the entire society about digital banking development; continuing to strengthen the legal system for digital banking development; investing in the development of the digital infrastructure system; etc.

Keywords: digital transformation, digital banking, finance, finance - banking.